

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **456/2021/HNGĐ-PT**  
Ngày: 12-5-2021  
V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Trang.  
*Các Thẩm phán:* Bà Đặng Thị Bích Loan;  
Bà Nguyễn Hoàng Anh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Nguyễn Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mộng Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 12/5/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử công khai vụ án thụ lý số 21/2021/TLPT-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 76/2021/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1635/2021/QĐ-PT ngày 13 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Vinh P, sinh năm 1971 (có mặt)  
Địa chỉ: Đường L, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Y, sinh năm 1976 (có mặt)  
Địa chỉ: Đường L, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Y.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trình bày của ông Nguyễn Vinh P:*

Ông và bà Nguyễn Thị Ngọc Y kết hôn từ năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 11/11/2009. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2020 giữa ông và bà Y phát sinh nhiều mâu thuẫn, cụ thể cả hai không thể tìm tiếng nói chung, không hòa thuận nhau, đã nhiều lần ông và bà Y ngồi lại nói chuyện để hàn gắn nhưng mâu thuẫn

không được giải quyết. Cả hai đã ly thân từ tháng 03/2020 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc Y.

Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Ngọc Anh T sinh ngày 19/2/2009. Ông P giao con chung cho bà Y trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và cấp dưỡng mỗi tháng 4.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Ông khai tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Ông khai không có.

Bị đơn Nguyễn Thị Ngọc Y đã được tổng đạt hợp lệ vẫn không đến Tòa án, do đó Tòa án không tiến hành lấy lời khai cũng như tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải được. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại bản án số 76/2021/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Vinh P đối với bà Nguyễn Thị Ngọc Y.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông P được ly hôn với bà Y (Giấy chứng nhận kết hôn số 309, do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/11/2009 không còn giá trị).

- Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Ngọc Anh T sinh ngày 19/2/2009 cho bà Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông P cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi trẻ T thành niên.

Ông P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Y có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông P. Trên cơ sở lợi ích của con chung, khi cần thiết ông P, bà Y có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông P khai tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Ông P khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

## 2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng ông P chịu, được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông P đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0026999 ngày 28/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G. Ông P còn phải nộp thêm 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự quận G.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021, bà Nguyễn Thị Ngọc Y kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với yêu cầu: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Nguyễn Vinh P; yêu cầu tăng số tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

### *Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Bà Nguyễn Thị Ngọc Y vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo không đồng ý ly hôn, muốn được đoàn tụ gia đình.

Ông Nguyễn Vinh P không đồng ý yêu cầu kháng cáo, ông đồng ý tăng mức cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000 đồng/ tháng; Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng theo quy định của tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu và đảm bảo thủ tục tại phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận việc ông P tự nguyện tăng mức cấp dưỡng nuôi con chung lên 5.000.000 đồng/ tháng; Không chấp nhận kháng cáo của Nguyễn Thị Ngọc Y, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ngọc Y làm trong hạn luật định nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ngọc Y, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Vinh P và bà Nguyễn Thị Ngọc Y tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 309 ngày 11/11/2009 thì quan hệ hôn nhân giữa ông P và bà Y là hôn nhân hợp pháp.

Xét kháng cáo của bà Y, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên toà phúc thẩm bà Y trình bày giữa bà và ông P cũng có mâu thuẫn do không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, mỗi lần không hiểu nhau hai bên thường xảy ra xô xát, cụ thể là ông P đánh bà 02 lần, những lần đó bà đều yêu cầu chính quyền địa phương đến can thiệp giải quyết, ngoài ra ông P còn thường xuyên đi qua đêm không về nhà, khi ở nhà ông P thường dùng lời nói thô tục với bà ngay trước mặt con cái. Ông P thừa nhận thực tế không còn chung sống với nhau từ tháng 03 năm 2020 cho đến nay, không còn tình cảm, không duy trì đời sống quan hệ vợ chồng. Tại tòa bà Y không đưa ra giải pháp nào để vợ chồng có thể cải thiện các mâu thuẫn nêu trên để hàn gắn trở về chung sống với nhau, bà cũng không thể trao đổi nói chuyện được với ông P trong suốt thời gian hai người còn sống chung. Mặt khác, ông P không đồng ý kháng cáo của bà Y, đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm nên Tòa cấp phúc thẩm không có cơ sở xem xét kháng cáo của bà Y.

Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho ông P ly hôn với bà Y là đúng quy định pháp luật, phù hợp với trình bày, khai nhận của đương sự về tình trạng quan hệ hôn nhân đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được là có căn cứ nên giữ nguyên phần này của án sơ thẩm.

- Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Ngọc Anh T sinh ngày 19/2/2009 cho bà Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông P cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi trẻ T thành niên. Bà Y kháng cáo tăng mức cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo bà Y trình bày thì sinh hoạt phí của trẻ T hàng tháng khoảng 10.000.000 đồng. Nay ông P tự nguyện nâng mức cấp dưỡng lên 5.000.000 đồng/ tháng là có căn cứ chấp nhận nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của ông P về việc nâng tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

- Việc bà Y kháng cáo cho rằng bà không biết việc Tòa án nhân dân quận G không triệu tập bà nên bà không đến Tòa để giải quyết vụ án, trình bày yêu cầu của mình trong vụ án là không có căn cứ. Bởi trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng do Thừa phát lại thực hiện thì bà Y được niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, niêm yết 02 lần Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử tại địa chỉ mà bà Y đang cư trú là số 132/9B đường Đường L, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; và Quyết định hoãn phiên tòa bà Y nhận trực tiếp tại trụ sở Tòa án nhân dân quận G. Nhưng bà Y vẫn không đến tòa để tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn trong vụ kiện ly hôn. Bà Y không đến tòa tức tự khước từ quyền được trình bày, quyền được tiếp cận công khai chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, không đưa ra yêu cầu phản tố trong việc giải quyết tranh chấp, thực hiện nghĩa vụ giao nộp tài liệu chứng cứ (nếu có) để được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp theo quy định pháp luật. Nên kháng cáo của bà Y không có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc Y phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 148, Điều 293, Điều 300, Khoản 2 Điều 308, Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ngọc Y.

Sửa một phần bản án sơ thẩm về mức cấp dưỡng nuôi con chung. Ghi nhận ông Nguyễn Vinh P cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Vinh P.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Vinh P được ly hôn bà Nguyễn Thị Ngọc Y.

Giấy chứng nhận kết hôn số 309, do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/11/2009 không còn giá trị.

- Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Ngọc Anh T sinh ngày 19/2/2009 cho bà Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông P cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi trẻ T thành niên.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84, khoản 2 Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng ông P chịu, được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông P đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0026999 ngày 28/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G. Ông P còn phải nộp thêm 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc Y chịu số tiền 300.000 đồng được trừ vào Biên lai thu số AA/2019/0027992 ngày 25 tháng 02 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Tòa án nhân dân quận G;
- Chi Cục THADS quận G;
- UBND xã Đ, huyện H, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.(Linh/14b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đoàn Thị Trang**

**Các thẩm phán**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Đặng Thị Bích Loan    Nguyễn Hoàng Anh**

**Đoàn Thị Trang**